

Bản án số: 118/2020/HS-ST
Ngày: 04-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Chung.

2. Ông Phạm Công Gia.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Bằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 11 và ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2020/TLST - HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Mai Trọng T, sinh năm 1977 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B, sinh năm 1953 và bà T2, sinh năm 1952; vợ: Trương Thị A, sinh năm 1980, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Phú từ ngày 18/12/2019 đến ngày 14/4/2020 được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tất Trí M, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 256/20/10, đường C, phường 4, Quận K, TP. HCM

2. Dương Quốc B, sinh năm 1948 và bà V1, sinh năm 1947; Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

3. Nông Quốc H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp 8, xã TS, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

4. Nguyễn Đình P, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

5. Mai Đức D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

6. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu 7, thị trấn T2, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

7. Chủ tịch UBND xã NT, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

8. Chủ tịch UBND xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng:

1. Phạm Đức K1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

2. Hồ Chí Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 1, thị trấn T2, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

3. Phù Thành L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

4. Lê Ngọc H1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

5. Huỳnh Văn L1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

6. Phan Văn Nh, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

7. Bùi Thị Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

8. Đặng Văn V1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 4, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

9. Nguyễn Văn V2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

10. Ngô Thị M1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

11. Phan Thị Ch, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

12. Nguyễn L2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 2, xã PL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

13. Nguyễn Hữu S, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

14. Nguyễn Tấn Th1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T2, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

15. Tiêu Xuân L3, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp , xã PL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

16. Dương Xuân Tr, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

17. Nguyễn Văn L4, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp 4, xã PL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
18. Nguyễn Thị M2, sinh năm 1938; Địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
19. Lương Văn C0, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 3, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
20. Trần Quang Kh, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 5, xã PL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
21. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1948; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
22. Mai Văn H1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
23. Vũ Thị Ngọc B2, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp PD, xã PB, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
24. Hồ Kiệt V3, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp 1, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
25. Ngô Thị Ph, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp A, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
26. Lê Thị L5, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp 3, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
27. Phạm Thị C6, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp AN, xã NTg, huyện BT, tỉnh Bến Tre.
28. Đặng Văn V8, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
29. Đào Văn P7, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
30. Đinh Hữu X3, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
31. Trần Thị N8, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
32. Vũ Thị L6, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
33. Vòng Cóng D3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
34. Phạm Văn H4, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.
35. Nguyễn Văn T7, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 3, xã TL, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, ông D, ông P, người làm chứng chị Ng; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B1, bà V, ông N1, ông M, Chủ tịch UBND xã TL và Chủ tịch UBND xã NT và những người làm chứng ngoài chị Ng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Trọng T, sinh năm 1977, ngụ ấp 3 xã N, huyện T1, tỉnh Đồng Nai được bổ nhiệm tạm thời công chức địa chính xã N theo Quyết định số 05/UBX ngày 19/4/2002 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1.

Năm 2012, Mai Trọng T được điều động về công tác tại xã TL, huyện T1, giữ chức danh “Công chức địa chính – xây dựng – Nông nghiệp – Môi trường” theo Quyết định số 2101/QĐ – UBND ngày 27/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú.

Ngày 01/4/2017, Mai Trọng T được điều động từ xã TL về công tác tại Xã N, huyện Tân Phú, theo Quyết định số 355/QĐ – UBND ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, giữ chức danh công chức Tư pháp – Hộ tịch.

Với chức danh là công chức địa chính cấp xã, Mai Trọng T được giao các nhiệm vụ như: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã trong các lĩnh vực: Đất đai, tài nguyên, môi trường... Trong đó trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ như: Thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu... liên quan đến đất đai; Chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc, hiện trạng đăng ký sử dụng đất đai... xây dựng các hồ sơ văn bản về đất đai...

Với chức danh công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã, Mai Trọng T được giao thực hiện các nhiệm vụ về công tác tư pháp, hộ tịch, chứng thực, chứng nhận... thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Quá trình công tác từ năm 2010 đến năm 2018, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao liên quan đến lĩnh vực đất đai, Mai Trọng T đã nhiều lần nhận hồ sơ liên quan đến đất đai của người khác để làm thủ tục điều chỉnh, chuyển nhượng, chuyển đổi, sang tên... nhưng T không làm đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định mà tự ý cạo sửa, tẩy xóa, thay đổi một số nội dung trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Năm 2010, khi đang đảm nhiệm chức vụ Công chức địa chính xã N, Mai Trọng T nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 277213 thuộc thửa đất số 246, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp 5, xã N của ông Tất Trí M, sinh năm 1979, ngụ P4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục điều chỉnh lại diện tích đất; ông Minh đưa cho T 15.000.000 đồng để làm thủ tục điều chỉnh. T đã thực hiện các thủ tục nhưng không chỉnh lý được nên đã tự ý cạo xóa, chỉnh sửa từ diện tích 2.890,9 m² thành diện tích 3.890,9 m² và từ thửa đất số 246 thành thửa đất số 245 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 277213 rồi giao lại cho ông M; ông M sau đó phát hiện sự việc và đã tố cáo hành vi của T. Sau đó Mai Trọng T đã trả số tiền 15.000.000 đồng cho ông Tất Trí M.

Năm 2012, Mai Trọng T nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Quốc B, sinh năm 1948, ngụ ấp 1, xã N, thuộc thửa đất số 229, tờ bản đồ số 15, diện tích 6.590,70 m² để làm thủ tục chuyển nhượng. Quá trình

làm thủ tục, T làm mất bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, T đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 273469 đứng tên mình rồi tự ý cạo xóa, chỉnh sửa các nội dung sau: Chỉnh sửa từ tên Mai Trọng T, sinh năm 1977, CMND số 271276565 cấp ngày 27/6/2009 tại Công an tỉnh Đồng Nai thành tên ông Dương Quốc B, sinh năm 1948, CMND số 272194502 ngày cấp 29/02/2008, nơi cấp Công an Đồng Nai và bà Phạm Thị V1, sinh năm 1947, CMND số 160341290 ngày cấp 11/3/2009, nơi cấp Công an Nam Định. Từ diện tích 566 m² thành 6.590,70 m². Từ thửa đất số 953, tờ bản đồ 09 thành thửa đất số 229, tờ bản đồ số 15. Từ đất trồng cây lâu năm thành đất trồng lúa. Từ sử dụng đến ngày 28/10/2049 thành sử dụng đến ngày 28/10/2019 và từ cấp giấy ngày 01/4/2011 thành cấp giấy ngày 01/02/2012.

Năm 2014, các ông Nông Chí H10, Nông Quốc H và Nông Việt V10 (là an hem ruột) thống nhất chuyển nhượng diện tích đất theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 302155, BR 302159 và BR 302160 thuộc ấp 6, xã TL cho ông Nguyễn Đình P sinh năm 1963, ngụ ấp 2, xã TL. Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng với ông Phong, ông Võ và ông Huy gặp Mai Trọng T và giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 302155, BR 302159, BR 302160 cho T, nhờ T làm thủ tục sang tên cho ông Nguyễn Đình P, chi phí theo hai bên thỏa thuận là 15.000.000 đồng thì T đồng ý. Sau đó Mai Trọng T đã tự ý cạo xóa thông tin tên người sử dụng đất rồi điền tên ông Nguyễn Đình P, bà Đậu Thị V2 vào 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 302155, BR 302159 và BR 302160.

Năm 2016, ông Mai Đức D, sinh năm 1982, ngụ ấp 2, xã TL, huyện T1 giao cho Mai Trọng T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 174779 và AK 174780 đứng tên ông Mai Đức D và bà Mai Thị Xuân Q, ông D nhờ T đổi tên người sử dụng đất trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D sẽ trả cho T tiền lệ phí 1.700.000 đồng thì T đồng ý, Sau đó T đã tự ý cạo xóa tên Phạm Thị Xuân Quyên trên 02 giấy chứng nhận số AK 174779 và AK 174780 rồi điền tên bà Tạ Thị M10 vào 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 174779 và AK 174780 nêu trên.

Năm 2018, Mai Trọng T nhận làm giúp thủ tục sang tên đất theo thừa kế cho anh Nguyễn Văn N1 (là bạn T), sinh năm 1976, ngụ khu 7, thị trấn T2 đổi với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B764739, quá trình nộp hồ sơ giải quyết, do thiếu biên bản xác minh về hiện trạng sử dụng đất, nhằm mục đích hợp thức thủ tục cũng như thực hiện nhanh thủ tục sang tên cho anh Nhiệm, T đã lập giấy xác minh và giả chữ ký của ông Phạm Đức K1- Phó Chủ tịch UBND xã NT, ông Hồ Chí Th- Cán bộ địa chính xã N, giả chữ ký Trưởng ấp và các hộ dân liền kề thửa đất của ông N1 trong biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất đề ngày 06/02/2018 để bổ sung vào hồ sơ sang tên đất cho anh Nguyễn Văn N1.

Tại bản kết luận giám định 1553/KLGD-PC09 ngày 06/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 277213, BA 273469, BR 302155, BR 302159, BR 302160, AK 174779, AK 174780 đều bị tẩy xóa, sửa chữa, điền thêm. Trong đó đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Mai Đức D đưa cho T, có

số phát hành AK174779 thửa 144 tờ bản đồ số 16, số AK174780 thửa 139 tờ bản đồ số 17 trước khi bị tẩy xóa có tên là Phạm Thị Xuân Q. Chữ ký Phạm Đức K1, Hồ Chí Th trong biên bản xác minh hiện trạng đất ngày 06/02/2018 với chữ ký của ông K1, ông Th trong mẫu so sánh gửi giám định không phải do cùng một người ký ra (bút lục 47 đến 53).

Ngày 18/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã tiến hành khám xét nơi ở và nơi làm việc của Mai Trọng T. Quá trình khám xét đã thu giữ 36 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các số: AK 765440, AB 384464, BA 277397, L200249, AK 204280, AK 204279, AK 707313, L200102, AG 077597, AG 077809, AG 077598, AK735653, L200015, L200056, BV 011732, AK 198949, AG 077978, AG 077977, AG 077979, AK 198952, AK 259105, AK 259102, L 199733, L 199764, L191528, AG 250321, K240603, L199616, L199694, L199539, L199281, L199506, L199012, U546054, W511852, W511843. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 sổ mục kê đất xã N, 01 hồ sơ đất mang tên Nguyễn Văn Lưu; 05 bì hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, 01 tập tài liệu liên quan đất đai; 03 tờ giấy môn bài số 0003430, 0005034, 0005007; 01 CPU máy vi tính hiệu ASus. (bút lục 27-34)

Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu giữ được của Mai Trọng T có dấu hiệu tẩy xóa, điền thêm. Tại Bản kết luận giám định ngày 30/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 259102, AK259105, L199102, L199539, L199694, AK735653 có dấu vết tẩy xóa, điền thêm.

Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các tài liệu, đồ vật thu giữ tại nơi ở, nơi làm việc của Mai Trọng T, đã điều tra, làm rõ được:

-Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 735653: Năm 2008, ông Nguyễn Vĩnh Th2, sinh năm 1937, ngụ ấp 4, xã N nhờ bị can Mai Trọng T làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 35,7 m² tại Chợ N thuộc xã N, huyện Tân Phú cho ông Th2, ông Th2 hứa sẽ trả chi phí đi lại cho T khi làm xong giấy thì T nhận lời làm giấy cho ông Th2 nhưng không tiến hành đúng thủ tục mà T đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 735653 đứng tên Nguyễn Văn L (giấy chứng nhận cấp lộn thửa cho ông L, không có giá trị pháp lý và trường hợp phải thu hồi), T đã cạo xóa tên Nguyễn Văn L rồi in điền thêm tên Nguyễn Vĩnh Th2 vào vị trí đã cạo xóa rồi giao cho ông Th2. Tuy nhiên do thửa đất ghi trong giấy chứng nhận số AK 735653 là thửa số 12, tờ bản đồ số 11 không đúng với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11 thực tế của ông Th2 nên ông Th2 không đồng ý nên T đã thu hồi lại giấy chứng nhận số AK 735653 và làm thủ tục để ông Th2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB882804 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11. Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 259102, AK 259105, L199102, L199539, L199694 là giấy thuộc trường hợp thu hồi, không còn giá trị pháp lý, quá trình cạo xóa, điền thêm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác, Mai Trọng T đã thao tác thử trên các giấy này nên đã để lại các dấu vết cạo xóa, điền thêm.

Các loại giấy tờ nêu trên không có giá trị pháp lý, hành vi tẩy xóa, cạo sửa của Mai Trọng T chưa gây ra hậu quả gì nên không xử lý về hình sự

- Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 546054, L199616, L199733, L199506, L 199764, L240603, L199281, L 191258 đã được cấp đổi giấy chứng nhận mới, giấy chứng nhận số AK 765440 cấp lộn thừa, giấy chứng nhận số AK 198952 là bản giấy lưu tại cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy chứng nhận số W511843, W511852 là bản phôi giấy chứng nhận chưa được ký phát hành. Đây là các giấy chứng nhận không có giá trị pháp lý, Mai Trọng T đã không làm thủ tục thu hồi nộp lưu trữ mà để tại nơi ở của T.

- Một sổ mục kê đất xã N, 01 hồ sơ đất mang tên Nguyễn Văn Lưu; 05 bìa hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, 01 tập tài liệu liên quan đất đai; 03 tờ giấy môn bài số 0003430, 0005034, 0005007. Đây là các tài liệu liên quan đến quá trình quản lý đất đai, hồ sơ lưu trữ việc giải quyết các thủ tục đất đai, T không lưu trữ tại kho quản lý của UBND xã mà cất giữ tại nơi ở của T.

- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L200249, L200102, AG 250321, L200056, AG 077597, AG 077809, AG 077598, BV 011732, L200015, AG 077977, AG 077978, AG 077979, AK 198949, AB 384464, BA 277397, AK 707313, AK 204279, AK204280, Mai Trọng T nhận làm thủ tục đất đai cho nhiều người nhưng chưa thực hiện, còn cất giữ tại nơi ở, nơi làm việc của T.

- Đối với CPU máy vi tính hiệu ASUS thu giữ tại nơi ở của Mai Trọng T, Cơ quan điều tra đã thực hiện thủ tục kiểm tra nhưng không phát hiện có lưu trữ các phần mềm, các tài liệu liên quan đến việc cấp, quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình điều tra Mai Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và kết quả thực nghiệm điều tra.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKS-HS ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Mai Trọng T về tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 359, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề xuất mức án đối với bị cáo Mai Trọng T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L200249, L200102, AG 250321, L200056, AG 077597, AG 077809, AG 077598, BV 011732, L200015, AG 077977, AG 077978, AG 077979, AK 198949, AB 384464, BA 277397, AK 707313, AK 204279, AK204280 là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, rõ nguồn gốc, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sử dụng;

- Một sổ mục kê đất xã N, 01 hồ sơ đất mang tên Nguyễn Văn Lưu, 05 bì hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, 01 tập tài liệu liên quan đất đai, 03 tờ giấy môn bài số 0003430, 0005034, 0005007. Đây là các tài liệu liên quan đến quá trình quản lý đất đai, hồ sơ lưu trữ việc giải quyết các thủ tục đất đai, đã trao trả lại cho UBND xã N;

- 01 CPU máy vi tính hiệu ASus, 01 điện thoại di động hiệu Iphone6, không liên quan đến vụ án nên đã trao trả cho Mai Trọng T .

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

- Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo không đưa ra đồ vật, tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] So sánh giữa hai điều luật thì Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có lợi hơn Điều 284 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), vì: Hành vi “phạm tội nhiều lần” chỉ quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) mà không còn quy định tại khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Như vậy, căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Hành vi cạo xóa, chỉnh sửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập giấy xác minh và giả chữ ký của bị cáo T đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Tất Trí M, ông Dương Quốc B, Nông Quốc H, ông Nguyễn Đình P, ông Mai Đức D, ông Nguyễn Văn N1; Chủ tịch UBND xã NT và Chủ tịch UBND xã TL là cơ quan nơi bị cáo công tác sử dụng máy tính, máy photo của cơ quan để thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định ông Tất Trí M, ông Nông Chí H10, Nông Quốc H, Nông Việt V10, ông Nguyễn Đình P, ông Mai Đức D, ông Nguyễn Văn N1,

ông Dương Quốc B, Chủ tịch UBND xã NT và Chủ tịch UBND xã TL là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Còn đối với Phạm Đức K1, Hồ Chí Th, Phù Thành L, Lê Ngọc Hải, Huỳnh Văn L1, Phan Văn Nh, Bùi Thị Ng, Đặng Văn V, Nguyễn Văn V2, Ngô Thị M1, Phan Thị Ch, Nguyễn L2, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Tấn Th1, Tiêu Xuân L3, Dương Xuân Tr, Nguyễn Văn L4, Nguyễn Thị M2, Lương Văn C0, Trần Quang Kh, Nguyễn Thị Ng, Mai Văn H1, Vũ Thị Ngọc B2, Hồ Kiệt V2, Ngô Thị Ph, Lê Thị L5, Phạm Thị C6, Đặng Văn V8, Đào Văn P7, Đinh Hữu X3, Trần Thị N8, Vũ Thị L5, Vòng Cống D3, Phạm Văn H4, Nguyễn Văn T7 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo nhưng bị cáo chưa thực hiện việc cạo xóa, chỉnh sửa hoặc thu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà bị cáo có tên những người nêu trên nên Hội đồng xét xử xác định là người làm chứng trong vụ án.

[4]. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì vụ lợi (được hứa bồi dưỡng) và động cơ cá nhân khác như vì nể nang, giúp đỡ bạn bè, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2018, tại xã TL và xã N, huyện T1, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, Mai Trọng T đã có hành vi:

-Năm 2010, Cạo xóa, chỉnh sửa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 277213 do ông Tất Trí M đứng tên chủ sử dụng, từ diện tích 2.890,9 m² thành diện tích 3.890, 9 m² và từ thửa đất số 246 thành thửa đất số 245 (điều chỉnh đất cho phù hợp với diện tích thực tế).

-Năm 2012, trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông Dương Quốc B, do làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bảo, Mai Trọng T đã cạo xóa, thay đổi nội dung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 273469 do Mai Trọng T đứng tên chủ sử dụng: Chỉnh sửa từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Mai Trọng T sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dương Quốc B, sinh năm 1948 và Bà Phạm Thị V, sinh năm 1947 đứng tên chủ sử dụng và điều chỉnh các nội dung khác trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho phù hợp với nội dung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã làm mất của ông B.

-Năm 2014, cạo xóa thông tin tên người sử dụng đất trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 302155, BR 302159 và BR 302160 rồi điền tên ông Nguyễn Đình P, bà Đậu Thị V2 vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhằm mục đích cho các ông Nông Chí H10, Nông Quốc H, Nông Việt V10 chuyển nhượng, sang tên cho ông Nguyễn Đình P và bà Đậu Thị V2.

-Năm 2016, cạo xóa tên Phạm Thị Xuân Q5 trên 02 giấy chứng nhận số AK 174779 và AK 174780 rồi điền tên bà Tạ Thị M vào 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 174779 và AK 174780 nhằm mục đích đổi tên người sử dụng đất theo đề nghị của ông Mai Đức D.

Năm 2018, lập giấy xác minh hiện trạng sử dụng đất và giả chữ ký của ông Phạm Đức K1 Phó chủ tịch xã N, giả chữ ký ông Hồ Chí Th cán bộ địa chính xã N và giả chữ ký của các hộ dân nhằm mục đích giúp ông Nguyễn Văn N1 (bạn T) làm thủ tục sang tên đất thừa kế.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Dù cơ sở kết luận, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Giả mạo trong công tác”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 112/CT-VKS-HS ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[5]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[6]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo 05 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có công với cách mạng (cha, mẹ bị cáo được tặng thưởng các huân, huy chương kháng chiến chống Mỹ), trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, là đảng viên, công chức. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về trách nhiệm dân sự: - Năm 2010, bị cáo đã cạo xóa, chỉnh sửa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 277213 do ông Tất Trí M đứng tên chủ sử dụng, từ diện tích 2.890,9 m² thành diện tích 3.890,9 m² và từ thửa đất số 246 thành thửa đất số 245, bị cáo đã nhận của ông M 15.000.000 đồng, sau đó bị cáo đã trả lại cho ông M số tiền 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Năm 2014, cạo xóa thông tin tên người sử dụng đất trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 302155, BR 302159 và BR 302160 rồi điền tên ông Nguyễn Đình P, bà Đậu Thị V2 vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhằm mục đích cho các ông Nông Chí H10, Nông Quốc H, Nông Việt V10, chi phí các bên thỏa thuận là 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông H thừa nhận chưa giao số tiền này cho bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Năm 2016, cạo xóa tên Phạm Thị Xuân Q5 trên 02 giấy chứng nhận số AK 174779 và AK 174780 rồi điền tên bà Tạ Thị M4 vào 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 174779 và AK 174780 nhằm mục đích đổi tên người sử dụng đất theo đề nghị của ông Mai Đức D, ông D trình bày có đã giao cho bị cáo số tiền 1.700.000 đồng, tại phiên Tòa ông D không yêu cầu bị cáo phải trả

lại số tiền này và bị cáo cũng không thừa nhận đã nhận của ông D số tiền 1.700.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về vật chứng của vụ án:

- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L200249, L200102, AG 250321, L200056, AG 077597, AG 077809, AG 077598, BV 011732, L200015, AG 077977, AG 077978, AG 077979, AK 198949, AB 384464, BA 277397, AK 707313, AK 204279, AK204280 là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, rõ nguồn gốc, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sử dụng là đúng quy định nên không xem xét;

- Một sổ mục kê đất xã N, 01 hồ sơ đất mang tên Nguyễn Văn Lưu, 05 bì hồ sơ chuyên quyền sử dụng đất, 01 tập tài liệu liên quan đất đai, 03 tờ giấy môn bài số 0003430, 0005034, 0005007. Đây là các tài liệu liên quan đến quá trình quản lý đất đai, hồ sơ lưu trữ việc giải quyết các thủ tục đất đai, đã trao trả lại cho UBND xã N là đúng quy định nên không xem xét;

- 01 CPU máy vi tính hiệu ASUS, 01 điện thoại di động hiệu Iphone6, không liên quan đến vụ án nên đã trao trả cho Mai Trọng T là đúng quy định nên không xem xét;

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến lĩnh vực sai phạm thì có thể gây nguy hại cho xã hội, vì vậy cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoặc hành nghề liên quan đến lĩnh vực quản lý về đất đai, kinh tế trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù, theo quy định tại khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội, mức hình phạt của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 259; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Mai Trọng T phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Xử phạt: Bị cáo Mai Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình. Được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến ngày 14/4/2020.

Về hình phạt bổ sung: Cấm Mai Trọng T đảm nhiệm chức vụ hoặc hành nghề liên quan đến lĩnh vực quản lý về đất đai, kinh tế trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Mai Trọng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, ông D, ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B1, bà V, ông N1, ông M, Chủ tịch UBND xã TL và Chủ tịch UBND xã NT được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nam

